

TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM KINH SÁCH, GIÁO LÝ PHẬT GIÁO HIẾU NGHĨA TÀ LƠN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tóm tắt: Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn là tôn giáo nội sinh ở Đồng bằng sông Cửu Long, ra đời vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX - giai đoạn tại Nam Bộ có hàng loạt các tôn giáo được hình thành như Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, v.v... Một trong những đặc trưng của các tôn giáo này là sự kế thừa, hỗn dung những tôn giáo, tín ngưỡng ra đời trước, được thể hiện rõ nhất qua kinh sách và giáo lý. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn cũng như vậy. Kinh sách, giáo lý, thực hành tôn giáo của tôn giáo này có ảnh hưởng tinh thần Tam giáo ở Việt Nam, đặc biệt là Phật giáo, nhưng được ông Nguyễn Ngọc An chuyển hóa thành những bài kinh khuyến tu của bậc “hạ thừa”, là thực hành đạo làm người - đó cũng là nội dung cốt lõi của kinh sách, giáo lý Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn.

Từ khóa: Giáo lý; Hiếu Nghĩa Tà Lơn; kinh sách.

Dẫn nhập

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn do các Ông Đạo: Đạo Lập (Phạm Thái Chung), Cử Đa (Nguyễn Thành Đa), Ngọc Minh (Nguyễn Ngọc Minh), Ngọc Đắc (Trần Ngọc Được) và Ngọc An (Nguyễn Ngọc An) sáng lập. Nguyễn Ngọc An chính thức lập đạo ở Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 1921, lấy danh xưng Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, tín đồ gọi ông là Đức Giáo Sư. Quá trình hình thành và phát triển của tôn giáo này đến nay đã gần một thế kỷ, chủ yếu ở các tỉnh, thành: Kiên Giang, Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp. Trên tinh thần “Học Phật, Tu

* Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang.

Ngày nhận bài: 28/10/2018; Ngày biên tập: 12/11/2018; Ngày duyệt đăng: 21/11/2018.

nhân”, nội dung kinh sách và giáo lý của tôn giáo này khuyến dạy tín đồ đề cao tự rèn luyện bản thân, thực hành nhập thế của hạnh Bồ Tát theo lời giáo huấn của người Thầy khai đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn. Trong bài viết này, tác giả tập trung trình bày đặc điểm kinh sách và giáo lý của tôn giáo này.

1. Đặc điểm kinh sách Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn

Kinh sách của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn không nhiều, và chủ yếu được trích từ các bài kinh của Phật giáo, như: *Kinh Cứu Khổ*, *Kinh Phổ Môn*, những bài pháp giảng dạy của ông Nguyễn Ngọc An trong *Triết Thánh Đạo* và những điều luật trong quyển *Luật Đạo*. Một số đặc điểm chính trong hệ thống kinh sách Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn như sau:

Kinh Cứu Khổ: gồm các bài kệ và bài chú trong pháp môn Tịnh độ và Mật tông, nhưng xen vào đó là các bài niệm và nghi thức bái lạy của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, như các bài kệ: *Khai chuông, khai kinh kệ, chú tịnh khẩu nghiệp chân ngôn, chú Tiêu tai kiết tường, chú văn sanh, bài kệ Cứu khổ*,... Tuy nhiên, các bài kệ, bài chú Phật giáo được sử dụng trong kinh Cứu Khổ của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn đã ít nhiều thay đổi về câu chữ, cùng với đó là các bài *Bổ khuyết* do ông Nguyễn Ngọc An soạn trong quyển kinh Cứu Khổ. Các bài lạy, bài vái, nguyện hương, đặc biệt là bài Thập ngoạt hòa thai bằng thể loại văn vần với nội dung khuyến tu, truyền dạy tín đồ thể hiện một lòng hiếu nghĩa đền ơn đất nước, ơn Cửu huyền Thất tổ, v.v...

Kinh Phổ Môn: Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn sử dụng kinh Phổ Môn của Phật giáo như là nghi thức tụng niệm chính, bởi tôn giáo này tu theo hạnh cứu khổ, cứu nạn, bố thí, như: hạnh Bồ Tát Quan Thế Âm, thực hành sáu pháp Ba La Mật (Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ - Bố thí đứng đầu vì nó làm nền tảng cho cả sáu pháp Ba La Mật).

Trong hệ thống kinh sách của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, có hai quyển do ông Nguyễn Ngọc An truyền dạy và là xương sống cho tín đồ tu hành, hoạt động và tổ chức đạo.

Triết Thánh Đạo: được viết năm 1961, gồm những bài pháp do ông Nguyễn Ngọc An biên soạn dựa trên tinh thần Nho giáo, tín đồ căn cứ

vào đó mà sống lễ đạo. Nội dung chính trong *Triết Thánh Đạo* là các bài thuyết răn dạy giữ bốn phận của người tu hành biết ơn trời đất, thủy tổ; rèn luyện bản tính cá nhân; hòa thuận gia đình, anh em, bầu bạn; đúng đạo cha con, chồng vợ, vua tôi... xứng đáng là người có phẩm giá trong trời đất. *Triết Thánh Đạo* chia làm bảy đoạn như sau:

Đoạn một: Sơ lược về người có đạo Tam Cang.

Đoạn hai: Sơ lược về thuyết Tề gia.

Đoạn ba: Sơ lược thuyết lý trau dồi học tập.

Đoạn bốn: Sơ lược cấp bậc tu học.

Đoạn năm: Sơ lược về con người lấy hiếu làm đầu.

Đoạn sáu: Sơ lược về tu sửa gia đình và nét tiết cá nhân.

Đoạn bảy: Sơ lược bài răn dụ lòng để hiểu biết thiện tâm học đạo.

Luật đạo: được ông Nguyễn Ngọc An soạn năm 1968. Bản gốc *Luật đạo* viết bằng bút mực, khổ lớn (không ghi số thứ tự trang), đặt nơi trang trọng tại chính điện An Bình Tự. *Luật đạo* ghi lại những điều giáo huấn, luật lệ, quy định trong tổ chức Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn mà mỗi cơ sở thờ tự, mỗi cá nhân tín đồ phải thực hành.

Ngoài những điều luật quy định trong tôn giáo, quyền Luật đạo còn có những bài thơ phú, luận đàm bằng văn vần, nghi thức và thủ tục nhập đạo. Cùng với đó là các bài kinh, bài thỉnh, bài khuyến thiện nhắc nhở bốn đạo và những bài đáp từ trong các nghi lễ liên quan đến vòng đời của tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn.

Có thể cho rằng, quyền Luật đạo là một bộ luật tương đối hoàn chỉnh và công phu mà ông Nguyễn Ngọc An để lại cho hàng đệ tử làm căn cứ để học đạo, hành đạo đúng theo tinh thần hiếu nghĩa của tôn giáo này.

Kinh Cứu Khổ, Kinh Phổ Môn, Triết Thánh Đạo và Luật Đạo là hệ thống kinh sách căn bản của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn. Nội dung chủ yếu là nghi thức tụng niệm, cúng lễ, sự nhắc nhở, răn dạy đạo lý ở đời của ông Nguyễn Ngọc An truyền lại cho môn đồ. Tín đồ nương theo đó mà thực hành điều hiếu hạnh, rèn thân theo con đường nhân đạo, cũng chính là tinh thần cốt yếu của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn.

Ngoài hệ thống kinh sách trên, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn còn có bài *Thập ngoạt hòa thai*, được viết dưới hình thức văn vần, nói về công ân cha mẹ suốt đời lo lắng cho con và bổn phận của con cháu phải sống sao cho trọn hiếu đạo với ông bà, cha mẹ. Tập *Văn Tà Lơn, Lan Thiên* của ông Cử Đa là tư liệu quý của các bậc tiền bối để lại cho đạo. Trong hai tập văn này, sư cố Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn kể về cuộc đời tu hành của mình, những suy ngẫm của ông về thế sự, đặc biệt là diễn tả cảnh quan vùng Tà Lơn rất sống động - nơi ông và các huynh đệ khác tu hành.

2. Đặc điểm về giáo lý của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn

Tôn chỉ hành đạo của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn:

Đạo pháp - Hiếu nghĩa - Dân tộc

An bình - Bác ái - Từ tâm

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn lấy đạo “Hiếu” làm đầu. Người theo đạo không phải ly gia cắt ái mà giữ tròn bổn phận với gia đình. Tôn giáo này không đặt ra một hệ thống giới luật khắt khe và không có sự phân biệt, kiêng kỵ khác nhau giữa chức việc và tín đồ.

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn là sự tổng hợp qua tiếp thu có cải biến tư tưởng và một ít nội dung của một số tôn giáo khác, chủ yếu là Phật giáo - Nho giáo - Đạo giáo, cùng với những tín ngưỡng dân gian Nam Bộ. Các lễ thức rườm rà, những hình thức tu tập phức tạp đã được Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn lược bớt để phù hợp với cuộc sống, cũng như tâm lý của người nông dân Đồng bằng sông Cửu Long.

Trên cơ sở nguyên lý “học Phật - tu nhân”, báo đáp Tứ ân như những tôn giáo khác ra đời ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn đưa ra quan niệm: *Nhân sinh quan* là con người ai cũng mang ơn Tổ quốc, ông bà, cha mẹ, Tam Bảo và chúng sinh, nên phải tu hành để đền đáp những công ơn đó. Tư tưởng của tôn giáo này nói đến trời, đất đã sinh ra và nuôi dưỡng con người và con người phải có luân lý đạo làm người (đạo nhân luân); *Vũ trụ quan* là vòng sinh tử luân hồi, luật nhân quả nghiệp báo. Hình thành nên sự vật và con người, là do tương tác âm dương, ngũ hành tương sinh, tương khắc.

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn khuyên con người thể hiện sự hiếu nghĩa, trong đó hiếu là hiếu đạo: Hiếu thiên, hiếu địa, hiếu nhân; Còn nghĩa là nghĩa với đất nước, nghĩa với đồng bào nhân loại... đó là những điều làm căn bản của sự giáo huấn trong đạo.

Chữ *Hiếu* trong Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn được tập trung ở 7 điều sau:

Hiếu chí ư thiên tắc phong vũ thuận thì.

Hiếu chí ư địa sinh hóa vạn vật.

Hiếu chí Tổ giáo huấn thập nhị công nghệ.

Hiếu chí Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ nuôi dưỡng người.

Hiếu chí Tổ nội và Tổ ngoại đạo đồng nhất lý.

Hiếu chí phụ mẫu sinh thành hình vóc tóc da thân thể.

Hiếu chí phụ mẫu, kẻ phụ mẫu không sinh có dưỡng đạo đồng.

Chữ *Nghĩa* trong Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn có sáu điều:

Nghĩa với nước phải tận trung vì nước, giữ gìn ngọn rau tác đất nước nhà.

Nghĩa với sư thầy, người dạy dỗ ta nên hiếu hạnh thảo hiền.

Nghĩa với bạn không phản bạn.

Nghĩa với bà con, song thân, luân lý.

Nghĩa với anh em, trên hòa dưới thuận.

Nghĩa với cô bác xóm giềng, hương thôn.

Vì vậy trong giáo lý của mình, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn thừa nhận tu theo *bạc hạ thừa*, nghĩa là tu theo nhân đạo, chỉ giữ vài điều trong giới luật để sửa mình, bởi “Hạ thừa, là trong vòng nhân đạo, xét ra hầu hết chúng ta là bạc hạ thừa, một phần tu trong vòng nhân đạo vì thấy mình còn nặng nợ với gia đình, Tổ quốc, quê hương, chủng tộc, chỉ giữ vài điều trong giới luật để sửa tính răn lòng, thế là học Phật tu nhân vậy”¹.

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn xem “học Phật - tu nhân” là căn cốt của mình, thế nhưng việc tu nhân là quan trọng và muốn học Phật thì tu nhân chính là mục đích căn bản. “Học Phật - tu nhân” của tôn giáo

này là cùng một nguyên lý, không phải là hai giai đoạn của tu hành. Vì vậy nên hiểu rằng nguyên lý “học Phật - tu nhân” không phải chỉ tu cho bản thân “ly gia cắt ái”, mà rộng ra là cho cả quốc gia, đồng bào, nhân loại trên tinh thần rèn luyện bản thân và hành bố thí theo hạnh Bồ Tát Quán Thế Âm. Nên trong quyển Triết Thánh Đạo, ông Nguyễn Ngọc An nhắc nhở đệ tử của mình rằng:

“Hội thông Tam giáo có đầu xa,

Độ khắp ta bà hạnh Thích ca.

Luyện tánh tu tâm do Phật pháp,

Dồi gương trí huệ hóa liên hoa”².

Về nguyên lý “học Phật - tu nhân”. Trước hết là học Phật, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon không truyền bá hay tu hành theo những học thuyết thâm sâu của Phật giáo. Học Phật của tôn giáo này chủ yếu vận dụng những phương pháp đơn giản của việc tu phước theo hạnh của Bồ Tát Quán Thế Âm là bố thí, nhẫn nhục để cứu người, độ đời. Cho nên trong thực hành nghi lễ, Phật A Di Đà và Bồ Tát Quán Thế Âm luôn được tụng niệm và bái lạy. Nhưng muốn học Phật được viên mãn, thì tín đồ phải rèn luyện bản thân, trau dồi đức hạnh và thực hành “Tứ ân”, xem đó là bổn phận của tín đồ, gọi là “tu nhân”.

Về tu nhân, người theo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon phải trau dồi đạo đức, rèn sửa tâm tính, làm lành, tránh dữ để tích đức, hoàn thành công việc, sống tốt với mọi người thì mới trở thành người có ích cho xã hội. “Vậy tu nhân là để cải tạo xã hội, cho đặng thuần phong mỹ tục, chữ tu thân học chí thần tiên, xưa kia những bậc thánh hiền, cũng tai, cũng mắt mà làm nên danh người”³.

“Học Phật - tu nhân” trong Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon là phải thực hiện Tứ trọng ân (gọi tắt là Tứ ân): “1. Ân đất nước, 2. Ân tổ tiên, cha mẹ, 3. Ân Tam Bảo, Phật Pháp Tăng, 4. Ân đồng bào và nhân loại”⁴.

Ân đất nước là ân đầu tiên trong Tứ ân của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon. Tôn giáo này cho rằng, người tu trong vòng nhân đạo trước hết là phải biết trung với nước, phải có nghĩa vụ bảo vệ quê hương, đất nước mỗi khi có giặc ngoại xâm. Trong thời đại hòa bình phải hết lòng xây dựng cho quê hương, đất nước được ngày càng giàu mạnh hơn.

Ân tổ tiên, cha mẹ được xếp ở vị trí thứ hai. Quan niệm về ân tổ tiên, cha mẹ trong Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn là nhớ ân và báo đáp công sinh thành dưỡng dục, người đã tạo ra mình. Tôn giáo này quan niệm chỉ có biết ân và đền đáp công ân tổ tiên ông bà, cha mẹ thì mới trọn đạo làm người. Trong giáo lý Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, người biết ân ông bà, cha mẹ là người phải sống có hiếu, không làm phật ý trái lòng ảnh hưởng đến tổ tiên của mình. Những điều cần làm để trở thành người con có hiếu nghĩa là:

1. Lúc cha mẹ ở với mình thì phải hết lòng yêu.
2. Lúc dưỡng nuôi cha mẹ thì phải hết lòng vui.
3. Lúc cha mẹ bệnh thì phải hết lòng lo thang thuốc và săn sóc.
4. Khi cúng cha mẹ thì phải hết lòng nghiêm tởng⁵.

Ngoài những điều phải làm đối với người hiếu đạo, tôn giáo này cũng đưa ra 5 tội bất hiếu để răn dạy con người:

1. Là lười biếng thân thể không lo làm cho có tiền, có của để dưỡng nuôi cha mẹ là một điều tội bất hiếu đó.
2. Là ham chơi cờ bạc, rượu chè hút sách, đàng điếm không đoái hoài đến sự dưỡng nuôi cha mẹ là điều tội bất hiếu thứ hai đó.
3. Là ham của cải riêng tư cho vợ cho con, chẳng đoái hoài đến cha mẹ, chỉ biết có vợ con mà chẳng biết đến cha mẹ là điều tội bất hiếu thứ ba đó.
4. Là buông lung theo ý muốn tai nghe, mắt thấy (tai nghe hay mắt thấy sắc đẹp) theo lũ dữ, đàng xấu để làm nhục cha mẹ hóa ra kẻ hạ lưu hèn hạ tổn thân thể là điều tội bất hiếu thứ tư đó.
5. Là ý mạnh đua tranh đánh lộn, đánh lạo gian ác làm điều trái lẽ, hung hãn dễ nguy cho cha mẹ bị nạn vì con, sinh huyết khí phạm hình luật, làm cho cha mẹ phải lo, gia đình hạnh phúc không còn, con nào bất hiếu là con hư đời, là điều tội bất hiếu thứ năm đó⁶.

Và chính xuất phát từ việc báo hiếu, tu trong vòng “nhân luân” nên Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn không chủ trương cắt ái, ly gia.

Ân Tam Bảo được xếp vị trí thứ ba trong tứ ân. Là tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, phải nhớ ơn Phật, Pháp, Tăng bằng cách noi theo

lời Phật dạy. Từ biết ân Tam Bảo, mỗi tín đồ phải có trách nhiệm truyền bá giáo lý đến mọi người để họ tiếp tục phấn đấu làm việc thiện, sống có nhân từ để hướng đến chân, thiện, mỹ.

Ân đồng bào, nhân loại ở vị trí thứ tư. Trong cuộc sống tu hành theo đạo, mỗi người đều có sự chịu ơn lẫn nhau, sự chịu ơn đó không dừng lại ở đồng bào mà toàn thể nhân loại. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn khuyên dạy tín đồ của mình phải sống biết quan tâm, yêu thương, vui vẻ, hòa thuận, cùng chia sẻ buồn vui với muôn người như tình huynh đệ. Tất cả đồng bào và nhân loại trên trái đất đều không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, màu da, chủng tộc và ngay cả thập loại chúng sinh cũng đều là họ hàng, quyến thuộc.

Giáo lý Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn cũng vận dụng phép Lục hòa của Phật giáo, xem là một căn bản trong tu hành. “Tu” theo tư tưởng nhân luân của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn được thể hiện đầy đủ ở bài kệ:

Tu thì phải bản thân nghiêm khắc,
 Tu chớ nên lên mặt thầy đời.
 Tu thân hằng buổi trau dồi,
 Biết hồi lỗi phải tỉnh hồi sửa đoan.
 Hễ biết lỗi, tâm phong sửa đổi,
 Cũng đừng nên gây, đổ tội cho ai.
 Lỗi mình biết sửa càng hay,
 Đi đường nhân đạo hoạt khai mới màu.
 Tu thân được bạc, vàng khó đổi,
 Biết tề gia, biết mới đạo người.
 Tề gia làm, nói đi đôi,
 Nói nhiều làm ít muôn đời chẳng xong.
 Tề gia trên dưới gắng công,
 Nói thì làm được mới mong đạt thành.
 Tề gia mà đặt tu hành,

Ấy là sáng tỏ thanh danh rạng ngời.
Tề gia rồi sẽ sửa đời,
Trên hòa dưới thuận rảnh đua bơi.
Không vì quyền lợi rồi nghịch lẫn,
Biết đặng tề gia dựng đạo người.
Trật tự vẫn hồi gây hạnh phúc,
Hưởng câu an lạc, chắc chẳng sai⁷.

Tu thân được Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn cụ thể bởi phương pháp, ý nghĩa và giá trị của chữ “Tu” qua lời giáo huấn của ông Nguyễn Ngọc An.

Lời nói phải nhân, phải đạo là tu ngôn.
Một việc làm chẳng tham, chẳng hại là tu hạnh.
Lấy nhân mà tu tính, lấy đức mà tu thân.
Tu cho mình quang trí đức để dạy dân.
Tu tề gia để mà trị quốc.

Nếu trang hiền đức thì người tu mới phải đạo.

Ngoài thời tu ôn nhũ hoan nhu, trong tâm tu hòa bình trung chính.

Tu tâm, tu hạnh, tu tánh, tu tình, tu cung, tu kính, tu tín, tu thành.

Phải đạo tu hành thời càng dày phúc lý thì tự nhiên đắc lộc, đắc thọ, đắc phú quý hiển vinh.

Đó là thiên đường tại thế⁸.

Với nguyên lý “học Phật - tu nhân”, cùng với sự dung nạp tư tưởng của một số tôn giáo và tín ngưỡng dân gian, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn thực hành tổng hợp nhiều phương pháp tu hành truyền thống có trước của người Việt. Đó là, pháp tu tưởng niệm, bái lạy danh hiệu Phật của Tịnh Độ tông, ấn chú của Mật tông, luyện tinh, khí, thần của Đạo giáo, đặc biệt là thực hành tu thân trong nhân luân tam cương, ngũ thường của Nho giáo.

Trong Nho giáo lại đưa ra đạo Nhân luân, gọi là đạo nhân luân tam cương và ngũ thường. Còn nói về Tam giáo đạo là Phật, Thánh, Tiên

cũng một lòng, nghĩa là: Đạo Phật thì dạy tu tâm cho thành Phật; Đạo Tiên thì dạy luyện tính cho thành tiên; Đạo Nho thì dạy giữ dạ thảo hiền, ấy là người trung, hiếu, tiết, nghĩa mới thành ra Thần, Tiên, Thánh, Phật, mà Thần, Tiên, Thánh, Phật cũng là một đấng toàn năng, toàn diện, toàn mỹ rồi mới được chứng quả thiêng liêng cực lạc vậy⁹.

Như vậy, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn đã phát huy tư tưởng Tam giáo trong Triết Thánh đạo. Ông Nguyễn Ngọc An dạy đệ tử rằng:

“Đứng nhân hiền phải xét cho xa,
Xưa nay Tam giáo là chính chân.
Suy cho cùng trời đất chẳng giận hờn,
Xét cho tốt, Phật Tiên đều cứu độ”¹⁰.

Nội dung giáo lý của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn bao hàm những quan niệm cuộc sống hiện tại và tương lai. Nó được truyền tụng bằng những bài văn, bài kệ theo hình thức văn vần, những bài khuyên tu dễ hiểu, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người. Đây cũng là một đặc trưng chung trong việc biên soạn kinh sách, giáo lý và phương pháp truyền giáo phổ biến của các tôn giáo ra đời ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Với cách thức truyền đạo này, giáo lý tôn giáo trở nên rất phù hợp, gần gũi với quan niệm nhân quả truyền thống của người Việt, với tâm lý, tính cách, trình độ của người nông dân thật thà, chất phác. Hiện nay, dù cuộc sống có nhiều thay đổi, nhưng những điều khuyên tu, việc giữ đạo lý ở đời luôn được nhiều thế hệ tín đồ tiếp truyền, giữ nếp đạo, bởi những giá trị đó có nhiều điều phù hợp trong đời sống của tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Triết Thánh Đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn*, lưu tại An Bình Tự, tr. 19.
- 2 *Triết Thánh Đạo*, Sdd, tr. 14.
- 3 *Triết Thánh Đạo*, Sdd, tr. 11.
- 4 *Triết Thánh Đạo*, Sdd, tr. 19.
- 5 *Triết Thánh Đạo*, Sdd, tr. 23.
- 6 *Triết Thánh Đạo*, Sdd, tr. 23-24.
- 7 *Triết Thánh Đạo*, Sdd, tr. 7-8.
- 8 *Khái quát lịch sử Đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn* lưu An Bình Tự (lưu hành nội bộ).
- 9 *Triết Thánh Đạo*, Sdd, tr. 18.

10 *Triết Thánh Đạo*, Sdd, tr. 13.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ Kiên Giang, *Báo cáo khảo sát đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, ngày 26 tháng 6 năm 2006.
2. *Kinh Cứu Khổ* lưu tại An Bình tự.
3. *Kinh Phổ Môn* lưu tại An Bình tự.
4. *Khái quát lịch sử đạo* lưu tại An Bình tự.
5. *Luật đạo* lưu tại An Bình tự.
6. *Tóm tắt giáo lý, giáo luật Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon* lưu tại An Bình tự.
7. *Triết Thánh đạo* lưu tại An Bình tự.
8. *Văn Tà Lon, Văn Lan Thiên* lưu tại An Bình tự.

Abstract

CHARACTERISTICS OF HIEU NGHIA TA LON BUDDHISM' SCRIPTURES AND DOGMA IN THE CUU LONG RIVER DELTA

Nguyen Xuan Hau

Kien Giang Institute of CPV Civil Servants Training

Hieu Nghia Ta Lon Buddhism, established in the late 19th and early 20th century, is an endogenous religion in the Mekong Delta. It was one of the religions formed during this period such as Buu Son Ky Huong, Tu An Hieu Nghia, Hoa Hao Buddhism, Caodaism, and The Pure Land Buddhist Association of Vietnam (Tinh Do Cu Si Phat Hoi Việt Nam). One of the characteristics of these religions is the inheritance, fusion of the previous religions through scriptures and teachings. Hieu Nghia Ta Lon Buddhism is also similar. The teachings, practices, scriptures of this religion was influenced by the spirit of “Three religions” in Vietnam, especially Buddhism. However, it was transformed into the practice of human virtue by Nguyen Ngoc An. It is also the core content of the scriptures of Hieu Nghia Ta Lon Buddhism.

Keywords: Dogma; Hieu Nghia Ta Lon; scriptures.